

Phần 2

Chân không : vì việc cần đoán có cát, có hung, nếu hào không vong không được nhật thìn hay nguyệt kiến sinh vượng, hoặc hào đó hưu tù không được trợ giúp thì gọi là chân không. Khi đoán việc, nếu hào không vong là dụng thần thì ứng vào việc xấu, ngược lại nếu hào chân không gặp nhật thìn hoặc nguyệt kiến hoặc được nhật, nguyệt sinh trợ, hoặc là hào động tức là hào không vong vượng tương thì không còn là chân không nữa, giờ, ngày, tháng, năm xuất khỏi không vong thì dụng thần xuất không sẽ gặp tốt.

Ví dụ : chân không ứng vào việc hung : tuần giáp tý, tuất, Hợi là không vong, ngày đinh mao tháng dần, đoán việc cho mình gieo được quẻ huỳnh đệ tuất thổ trị thế, ngày đinh mao gặp tuất, Hợi không vong, nay hào thế là không vong lại bị ngày mao khắc, tháng dần khắc (nếu là tháng thân, dậu hoặc tháng Hợi, tý đều là hưu tù), như thế gọi là chân không. Huỳnh đệ là thần kiếp tài, nếu hào huỳnh đệ không bị chế ngự thì hiện tại vẫn chưa có việc gì nhưng đến ngày, giờ, tháng, năm xuất không thì điều xấu sẽ ứng nghiệm.

Ví dụ : chân không ứng vào việc cát : nếu việc cần đoán có hào tài trị thế, tuy là chân không, nhưng không bị khắc lại có sinh thì đến ngày, giờ, tháng, năm xuất không sẽ ứng nghiệm điều tốt.

Muốn nhớ tuần không vong không khó, ví dụ tuần giáp Ngọ thì thìn, tý là không vong. Chỉ cần biết được hai ngôi ở phía trước của tuần đó là được. Khi đoán việc vào một ngày nào đó nhưng lại không biết ngày đó tuần nào thì có thể tính theo hình bàn tay.

Dưới đây giới thiệu hình bàn tay để bất cứ lúc nào cũng có thể tìm được hào không vong. Ví dụ : đoán vào ngày đinh tý, nếu không biết nó thuộc tuần nào, thì chỉ cần đặt đầu ngón cái tay trái vào ngôi tý, từ tý đếm ngược đến đinh : ngôi thìn đọc là "bính", ngôi mao đọc là "ất", ngôi dần đọc là "giáp". Ngừng ở đó, hai ngôi tý, Sửu ở sau theo chiều ngược chiều kim đồng hồ sẽ là hai ngôi không vong.

Khi đã biết được tý Sửu là không vong thì tự nhiên cũng sẽ biết đinh tý thuộc can chi của ngày trong tuần giáp dần.

IV. NHẬT THÌN, NGUYỆT KIẾN, HÀO TĨNH, HÀO ĐỘNG, HÀO BIẾN

1. Nhật thìn, nguyệt kiến

1) *Nhật thìn* : trong dự đoán trong tượng quẻ nhật thìn là lấy vương tướng, hưu tù của ngũ hành để quyết định vượng, suy của quẻ thượng và quẻ hạ. Trong dự đoán theo 6 hào nhật thìn quyết định sự vượng, suy của mỗi hào. Sự vượng, suy đó là căn cứ theo sinh, vượng, mộ, tuyệt của ngũ hành để đánh giá.

Đối với đối tượng dự đoán tức dụng thần mà nói, nhật thìn và dụng thần tương sinh, tương hợp thì sự việc dự đoán sẽ vừa ý. Nhật thìn khắc dụng thần thì sự việc dự đoán trắc trở, không thuận lợi. Ví dụ, ngày giáp tuất, tháng nào đó gieo quẻ, ngày tuất chính là nhật thìn. Nguyên thần, dụng thần, kỵ thần, cừu thần trong nhật thìn ở vào trạng thái như thế nào thì chính là sự vượng, suy của chúng cũng đã được quyết định. Như dụng thần là hào thìn thổ, là lâm nhật thìn mà vượng. Phàm ngũ hành thuộc thổ (thìn, tuất, sừ, mùi) đều vượng. Nguyên thần là ngộ hỏa hoặc tỵ hỏa là hỏa ở đất hưu. Kỵ thần là dần, mao mộc là ở đất hưu. Cừu thần là hợi hoặc tỵ thủy là ở tử địa. Đó là lấy nhật thìn làm chuẩn. Phàm sinh cho nhật thìn, khắc nhật thìn hoặc bị nhật thìn khắc đều là ở đất hưu tù, tử tuyệt, những hào đó không có lực. Nếu dụng thần là hào thìn thổ, nhật thìn là ngộ hỏa thì dụng thần nhờ có nhật thìn sinh mà vượng. Vì hào hỏa trong quẻ là nguyên thần, nguyên thần lâm nhật thìn mà vượng để sinh dụng thần, cho nên dụng thần nhất định có lực. Kỵ thần là hào mộc, nhật thìn là ngộ hỏa thì kỵ thần ở đất hưu. Cừu thần là hào thủy, nhật thìn là ngộ hỏa nên cừu thần ở đất tử. Kỵ thần, cừu thần đều rơi vào hưu tù, không có lực để khắc dụng thần.

Tóm lại phàm dụng thần lâm nhật thìn hoặc được nhật thìn sinh vượng là dụng thần có lực, các thần khắc hại khác không có lực. Ngược lại thì dụng thần sẽ rơi vào hưu tù, tử tuyệt, không có lực nên bị khắc.

2) Nhật phá và ám động

Nhật phá là chỉ dụng thần hoặc các hào khác hưu tù hoặc tuần không hoặc hào tĩnh lại tương xung với nhật thìn. Sự tương xung đó lại đúng theo từng cặp địa chi như tỵ với ngộ, sừ với mùi, dần thân, mao dậu, thìn tuất, tỵ hợi. Trong sáu hào, nếu hào nào đó cùng với nhật thìn làm thành cặp đối xung lại ở hưu tù hoặc tuần không, hoặc hào tĩnh thì gọi là nhật phá. Ví dụ, tháng dậu, dụng thần là dần mộc gặp ngày mậu thân tức vừa hưu tù còn gặp tuần không, dần mộc và thân kim đối xung nhau, như thế gọi là nhật phá.

Ám động : là chỉ hào tĩnh vượng tương đối xung với nhật thìn, đã xung thì động. Nhật phá là hưu tù gặp xung nhưng không động được, còn ám động

là gặp xung thì động. Khi đoán quẻ hào âm động gặp xung cũng coi như hào động. Ví dụ, tháng thân ngày mao, hào tĩnh là dậu kim, dậu kim lâm nguyệt kiến mà vượng, lại đối xung với mao, nên hào dậu kim này không còn là hào tĩnh nữa mà trở thành hào âm động. Thông thường khi đoán quẻ hào âm động ở trong quẻ chủ, còn ở trong quẻ biến thì không có sự biến động nào.

3) Nguyệt kiến và nguyệt phá

Nguyệt kiến tức là lệnh tháng. Trong dự đoán theo tượng quẻ ta đã biết gieo quẻ lấy tháng âm lịch là chuẩn, đoán quẻ là lấy lệnh tháng của ngày đoán quẻ làm chuẩn. Ở đây cần nhấn mạnh rằng nguyệt kiến đối với đoán quẻ theo sáu hào và xác định độ chuẩn của thời gian ứng nghiệm có một vai trò quan trọng. Trong dự đoán theo sáu hào, sự vượng suy, mạnh yếu của dụng thần và các hào khác không những dùng nhật thìn làm tiêu chuẩn để đánh giá mà còn dùng lệnh tháng để đánh giá. Hơn nữa so với nhật thìn thì lệnh tháng còn là đề cương của hào nắm quyền sinh sát.

Trong các hào, quan hệ tương quan giữa lệnh tháng và nhật thìn thường là vừa thống nhất lại vừa mâu thuẫn. Điều này làm cho nhiều độc giả rất khó khăn lúc đoán quẻ. Dưới đây nói rõ mối quan hệ tương quan cơ bản nhất giữa lệnh tháng và nhật thìn.

Thứ nhất là :

Hào gặp nguyệt kiến thì dù có bị nhật xung cũng không tan, gặp khắc cũng không bị tổn hại.

Hào gặp nhật kiến nếu bị nguyệt xung cũng không bị phá, nguyệt khắc cũng không bị thương, gặp hào động, khắc không bị hại, gặp quay đầu lại khắc cũng không nguy hiểm.

Hào gặp nguyệt kiến bị nhật thìn xung, đáng lẽ bị tan nhưng thực tế không tan. Đó là vì nhật xung hào hưu tù tức là nhật phá nhưng nhờ được nguyệt kiến mà vượng nên là hào âm động, cho nên không bị tan, không bị khắc. Hào gặp nhật kiến bị nguyệt kiến xung, đáng lẽ bị phá nhưng thực ra không bị phá. Đó là vì nguyệt kiến xung hào hưu tù gọi là nguyệt phá, nhưng hào đó nhờ nhật kiến mà sinh vượng cho nên thực tế bị phá mà có cứu.

Nguyệt phá : Nguyệt kiến tương xung với hào gọi là phá. Tháng giêng kiến dần, hào thân gặp phải gọi là phá; tháng hai kiến mao, hào dậu gặp phải là phá; tháng ba kiến thìn, hào tuất gặp phải là phá; tháng tư kiến tỵ, hào hợi gặp phải là phá; tháng 5 kiến ngọ, hào tý gặp phải là phá; tháng 6 kiến mùi, hào Sửu gặp phải là phá; tháng 7 kiến thân, hào dần gặp phải là phá; tháng 8 kiến dậu, hào mao gặp phải là phá; tháng 9 kiến tuất, hào thìn gặp phải là phá; tháng 10 kiến hợi, hào tỵ gặp phải là phá; tháng 11 kiến tý, hào ngọ gặp phải là phá; tháng 12 kiến Sửu, hào mùi gặp phải là phá.

Dụng thần lâm nguyệt phá thì trong tháng đó vừa không được sinh lại phải đề phòng bị hại. Nếu gặp nhật thìn tương trợ thì cũng chỉ là có cứu. Tuy trước mắt đang bị phá nhưng ra khỏi tháng là hết phá. Nhật phá cũng tương tự, hôm nay bị phá ra khỏi tuần không là hết phá, hoặc nói cách khác gặp ngày hợp là hết phá. Chỉ khi hào đó tĩnh lại không có nhật thìn hay hào động sinh trợ lại rơi vào tuần không hưu tù vô khí, còn gặp phải nguyệt kiến hoặc nhật thìn hoặc hào động khắc hại thì nhất định bị phá.

Thứ hai là : nguyệt sinh nhật khắc thì phải xem sự xung khắc đó ra sao, ngoài ra còn phải xem có hào xung khắc dụng thần không, nếu có thì đã hại càng suy.

Nhật sinh nguyệt khắc thì phải xem có hào động sinh phù dụng thần không. Nếu có thì càng vượng.

2. Hào tĩnh, hào động, hào biến

Phương pháp dùng cỏ thi để gieo quẻ của Chu dịch đã dùng hơn 3.000 năm. Sau đó đến đời Đường mới giản hóa thành dùng 3 đồng tiền gieo quẻ.

Gieo quẻ bằng đồng tiền, nếu có một đồng sấp là thiếu dương, hai đồng sấp là thiếu âm. Hào thiếu dương, thiếu âm sẽ không biến nên gọi là hào tĩnh. Nếu có 3 đồng ngửa gọi là hào X là lão âm; có 3 đồng sấp là hào O là lão dương. Hào X và hào O đều có thể biến thành hào khác của quẻ biến. Các hào lão âm, lão dương này gọi là hào động. Hào động là cầu nối của quẻ chủ và quẻ biến.

Khi gieo quẻ, quẻ có hào động gọi là quẻ chủ. Hào động này từ âm biến thành dương, từ dương biến thành âm có cùng ngôi và cùng với hào tĩnh làm thành quẻ biến. Trong quẻ chủ có mấy hào động thì các hào tương ứng trong quẻ biến có từng ấy hào thay đổi. Cho nên, các hào biến ra được gọi là hào biến.

Hào tĩnh, hào động, hào biến cấu tạo thành quẻ chủ và quẻ biến. Vậy quan hệ lực lượng giữa ba loại hào đó ra sao ?

Nếu quẻ gieo được không có hào lão âm, lão dương tức không có hào động, quẻ đó gọi là quẻ sáu hào tĩnh. Sáu hào đều tĩnh thì lâm nhật thìn, nguyệt kiến hoặc được nhật thìn, nguyệt kiến sinh, hoặc được nhật thìn, nguyệt kiến hợp mà trở thành hào có lực gọi là hào vượng. Hào vượng có thể sinh, có thể khắc những hào khác. Nếu dụng thần là hào vượng là việc tốt, ngược lại là xấu. Đó là quan hệ lực lượng giữa hào tĩnh với hào tĩnh.

Ví dụ : ngày bính ngọ, tháng hạ gieo được quẻ "Địa thủy sư"

Phụ mẫu dậu kim — ứng
 Huynh đệ hợi thủy —
 Quan quý Sửu thổ —
 Thê tài ngọ hỏa — thê
 Quan quý Thìn thổ —
 Tử tôn dần mộc —

Khi dụng thần là quan quý Sửu thổ, thê tài ngọ hỏa là nguyên thần, nguyên thần được nhật, nguyệt kiến sinh vượng, dụng thần đã lâm nhật nguyệt kiến lại còn được nguyên thần sinh là hào vượng tướng, việc cầu tài hay cầu quan đều dễ được. Nếu đoán việc khác lấy hào tử tôn hoặc hào phụ mẫu làm dụng thần thì đều bị nhật, nguyệt khắc làm xi hơi, rơi vào đất hưu tù cho nên bất lợi.

Nếu trong quẻ có hào động thì hào động sẽ chế phục bất kỳ hào tĩnh nào cho dù hào tĩnh đó vượng hay không vượng. Song như phần trên đã nói, nếu hào tĩnh là hào có lực lại gặp nhật thìn xung để trở thành hào ám động thì tính chất của nó cũng như hào động. Hào ám động và hào động cùng ngang lực nhau. Đó là mối quan hệ giữa hào động và hào tĩnh, hào động và hào động. Trong ví dụ trên hào đầu của quẻ "Địa thủy sư" là động, tức hào tử tôn dần mộc tuy ở đất hưu tù nhưng động mà có lực nên có thể khắc sự vượng tướng của hào tĩnh quan quý. Hào quan quý Sửu thổ tuy nắm lệnh có thể chế phục được thần kiếp tài huynh đệ, nhưng hào quan quý Sửu thổ đã bị hào động khắc cho thương tổn nên không còn lực để chế ngự thủy.

Cho dù giữa hai hào động khắc nhau có một hào chiếm ưu thế nhưng nó vẫn bị sự chế ngự của nhật thìn và nguyệt kiến. Nếu như hào động bị hào động chiếm ưu thế hơn khắc nhưng lâm được nhật thìn nguyệt kiến hoặc được nhật thìn, nguyệt kiến sinh thì cuối cùng hào chiếm ưu thế vẫn không khắc nổi hào động đó. Đó là mối quan hệ lực lượng giữa hào động với nhật thìn và nguyệt kiến, là do nhật thìn, nguyệt kiến quyết định.

Trong ví dụ trên, hào tử tôn dần mộc không những động mà hào quan quý Sửu thổ cũng động. Trong quan hệ sinh khắc giữa hai hào động, Sửu thổ tuy bị dần mộc khắc, lực lượng chiếm ưu thế, nhưng Sửu thổ được nhật thìn, nguyệt kiến sinh cho nên dần mộc không khắc nổi Sửu thổ.

Nếu hào biến của quẻ biến có thể giúp đỡ dụng thần sự giúp đỡ có ích là tốt, ngược lại là có hại. Đó cũng gọi là sự hóa sinh trở lại hoặc hóa khắc trở lại. Hóa sinh trở lại hoặc hóa khắc trở lại cũng có vai trò quyết định trong việc đoán cát hung của quẻ.

Ví dụ : ngày mậu ngọ, tháng thân có người đoán về bệnh tật được quẻ "Cấu" của quẻ "Thiên sơn độn" (hào thế và hào ứng của quẻ biến khi đoán quẻ không cần tham khảo nên ở đây không ghi).

QUÊ CHỦ (ĐỘNG)

Phụ mẫu tuất thổ –
 Huynh đệ thân kim – ứng
 Quan quý ngọc hỏa –
 Huynh đệ thân kim –
 Quan quý ngọc hỏa – thế, động
 Phụ mẫu thìn thổ –

QUÊ BIẾN (CÁU)

Phụ mẫu tuất thổ –
 Huynh đệ thân kim –
 Quan quý ngọc hỏa –
 Huynh đệ đậu kim –
 Tử tôn hợi thủy –
 Phụ mẫu sửu thổ –

Hào quan quý trì thế là thân bất an, vượng động hóa thành hào tử tôn hợi thủy khắc trở lại cho nên bệnh càng xấu.

Còn có một trường hợp, ví dụ hào quan quý không phải là hào thế, khi đoán bệnh dụng thần là quan quý, động hóa khắc trở lại tức là khắc mất quý bên cạnh mình, cho nên ngược lại, lại là tốt.

Phương pháp đoán quẻ phức tạp như trường hợp trên đây ta gặp rất nhiều. Đối với những người mới học, nếu chưa nắm vững các yếu lĩnh cơ bản để đoán quẻ thì ngay một lúc không thể nào lĩnh hội ngay được.

V. TIẾN THẦN, THOÁI THẦN, PHI THẦN, PHỤC THẦN**1. Tiến thần, thoái thần**

Tiến thần là chỉ hào động của quẻ và hào biến ra có cùng địa chi ngũ hành. Như dần hóa mao, tỵ hóa ngọ, thân hóa dậu, hợi hóa tỵ, sửu hóa thìn, thìn hóa mùi, mùi hóa tuất, tuất hóa sửu.

Tiến thần đại biểu cho xu hướng phát triển thêm một bước mà gặp được cát thần là sự việc sẽ có tiến triển và kết quả. Gặp phải hung thần thì không lợi cho dụng thần hoặc hào thế.

Căn cứ vào sự vượng suy của nó, tiến thần có 3 trường hợp dưới đây :

1) Hào động và hào hóa tiến là hào vượng tương thì sẽ hóa vượng. Ví dụ : đoán quẻ vào tháng dần, hào động của quẻ chủ là dần, hào biến hóa tiến của quẻ biến là mao, vì dần mộc trường sinh ở tháng hợi, còn ở tháng dần thì rơi vào đất lâm quan, mao ở tháng dần là đất vượng địa. Như thế gọi là hào vượng tương hóa vượng.

2) Hào động và hào hóa tiến đều ở đất hưu tù, tuy là hóa tiến nhưng phải chờ đến lúc vượng tương thì mới là hóa tiến chân chính. Ví dụ : tháng thân đoán quẻ, hào động là dần, hào hóa tiến là mao. Kim trường sinh ở tỵ, dần mao ở tháng thân là ở đất tuyết, thai, tức là hưu tù, vì vậy phải chờ đến tháng mộc vượng, tức tháng 12 và tháng dần, mao thì hào dần, mao mới lâm vượng và khi đó hào hóa tiến mới vượng.

3) Hào động, hào tiến trong đó có một hào gặp tuần không bị phá, tuy là hóa tiến, nhưng phải chờ đến lúc hào đó xuất không thì mới biến thành hóa tiến chân chính. Ví dụ hào động của quẻ chủ là dần mộc, hào biến là mao mộc, đoán việc vào ngày mậu thân. Trong tuần giáp thìn, mậu thân gặp dần, mao là tuần không, đối với mậu thân mà nói, dần, mao là tuần không, dần phá thân gọi là bị tuần không phá, cho nên phải chờ đến mao xuất không thì mới được.

Thoái thần : thoái thần là chỉ hào động của quẻ chủ biến ra hào biến làm thành hào thoái có cùng ngũ hành của địa chi. Như mao hóa dần, ngọ hóa tỵ, dậu hóa thân, tỵ hóa hợi, thìn hóa sửu, sửu hóa tuất, tuất hóa mùi, mùi hóa thìn. Thoái thần là nói sự vật mà nó đại diện có sự tụt lùi hoặc xu thế đi xuống. Phán đoán thoái thần ngược với tiến thần. Trong thoái thần, nếu cát thần hóa thoái thì cát thần bị xấu đi; hung thần hóa thoái thì hung thần không xấu nữa.

Ví dụ : gặp hào thìn thổ động hóa thành hào tuất thổ, lúc đó xem như hóa tiến, vì thực chất là đã cách ngôi mùi thổ hoặc sửu thổ nên sự hóa đó không còn là tiến hay lùi nữa mà là hóa xung. Nếu tuất thổ lâm nhật thìn hoặc nguyệt thìn thì không những là hóa xung mà còn là hóa phá.

2. Phi thần, phục thần

Trong phần phối trí lục thân đã từng nói đến lục thân của tám quẻ thuần là đầy đủ. Tuy nhiên nếu lục thân của một quẻ nào đó thuộc cung nào đó không đầy đủ thì khi chọn dụng thần sẽ không có. Do đó có thể tìm trong quẻ đầu của cung đó để mượn dụng thần. Ghi hào mượn đó bên cạnh hào cùng ngôi thiếu dụng thần. Dụng thần vay mượn này gọi là phục thần, còn hào của quẻ chủ thiếu dụng thần gọi là phi thần.

Dụng thần hữu dụng là tốt, điều kiện của nó phải thỏa mãn một trong 6 trường hợp sau : Dưới đây nêu ví dụ để nói rõ.

PHONG THIÊN TIỂU SÚC

Huỳnh đệ mao mộc -

Tử tôn tỵ hỏa -

Thê tài mùi thổ — ứng

Quan quý dậu kim : Thê tài thìn thổ -

Huỳnh đệ dần mộc -

Phụ mẫu tỵ thủy - thế

Ví dụ đoán về công danh, lấy hào quan quý làm dụng thần. Nhưng trong quẻ tiểu súc không có hào quan quý, nên phải mượn dụng thần. Tiểu súc là quẻ thuộc cung Tốn. Ta có thể tìm ở hào thứ ba của quẻ đầu cung tốn để mượn

hào quan quỹ dậu kim làm dụng thần. Ta viết quan quỹ dậu kim vào bên trái hào ba của quẻ chủ. Phục dưới hào thê tài thìn thổ phi thần, nên hào quan quỹ dậu kim là phục thần.

1) Phục thần được nhật thìn, nguyệt thìn sinh, ví dụ nhật thìn hoặc nguyệt kiến là thổ, lúc đó phục thần dậu kim được thổ của nhật thìn hoặc nguyệt kiến sinh nên phục thần hữu dụng.

2) Phục thần vượng tương, ví dụ nhật thìn hoặc nguyệt kiến là thổ hoặc kim. Ngoài ra phục thần hợp với nhật thìn hoặc nguyệt kiến cũng gọi là vượng và hữu dụng.

3) Phục thần được phi thần sinh, ví dụ trong quẻ "Tiểu súc" thê tài thìn thổ là phi thần, tài sinh quan là phi thần sinh phục thần. Như thế gọi là phục thần được phi thần sinh mà hữu dụng.

4) Phục thần được hào động sinh, ví dụ hào động là thê tài mùi thổ, thổ sinh kim. Như thế gọi là phục thần nhờ hào động mà có sức nên trở thành hữu dụng.

5) Phục thần được nhật thìn, nguyệt kiến, hào động xung khắc phi thần, ví dụ phi thần không phải là thê tài thìn thổ mà là tử tôn ngộ hỏa. Lúc đó nhật thìn, hoặc nguyệt kiến, hoặc hào động là tý thủy. Rõ ràng là phi thần bị xung khắc. Phi thần bị xung khai, do đó phục thần dậu kim không bị phi thần ngộ hỏa khắc hại nữa nên trở thành hữu dụng.

6) Phi thần bị tuần không, phá, hưu tù, nhập kho, ví dụ phi thần là tử tôn ngộ hỏa gặp ngày bính tuất là vừa bị hưu tù không vong, lại nhập mộ kho, như thế là thực không, thực phá nên không có lực để khắc hại phục thần nữa, phục thần đương nhiên là hữu dụng.

Phục thần vô dụng là không tốt. Dưới đây cử ví dụ về năm mặt để giải thích vấn đề, độc giả cần cứ lý luận như trên mà tự hiểu.

1) Phục thần hưu tù vô khí.

2) Phục thần bị nhật thìn hoặc nguyệt kiến xung khắc.

3) Phục thần bị phi thần vượng tương khắc hại.

4) Phục thần bị mộ tuyệt ở nhật thìn hoặc nguyệt kiến hoặc phi thần.

5) Phục thần hưu tù tuần không.

Năm trường hợp trên phục thần đều là vô dụng, tức là dụng thần vừa không hiện trong quẻ lại vừa vô dụng, cho nên việc cần đoán không có hy vọng gì.

VI. THẦN VÀ SÁT THƯỜNG DÙNG CỦA SÁU HÀO

Thần, sát là một cặp thần sát hung. Trong quẻ gặp được cát thần, thông thường là chỉ thiên ất quý nhân, tức là được quý nhân phù trợ. Trong quẻ có hung thần ác sát, tất nhiên là không tốt. Vì sát thần trong đoán quẻ ứng dụng không nhiều cho nên ở đây chỉ giới thiệu cát thần.

1. Thiên ất quý nhân

Giáp, mậu đi với trâu, dê; Ất, kỷ đi với chuột, khỉ;

Bính, đinh đi với lợn, gà; Nhâm, quý đi với thỏ, rắn;

Canh, tân đi với hổ, ngựa;

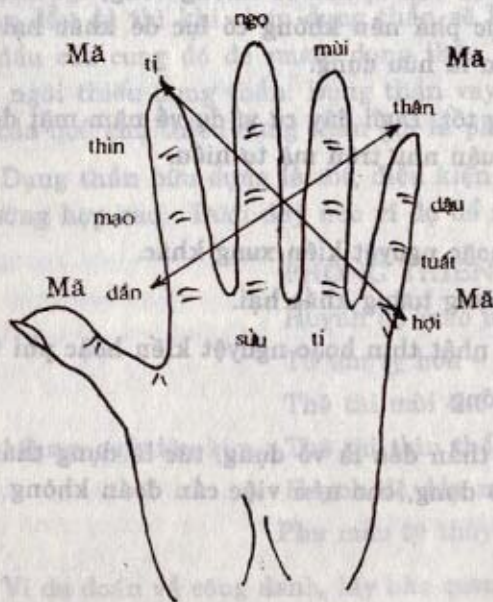
Đó là các quý nhân.

Trong dự đoán theo sáu hào giáp, mậu đi với trâu, dê là chỉ ngày giáp hoặc ngày mậu là thiên can dụng thần lâm sừ thổ hoặc mùi thổ hoặc nguyên thần để sinh trợ dụng thần, hoặc có trong hào biến, như thế đều gọi là quý nhân giúp đỡ. Nếu quẻ đã tốt thì càng tốt, nếu gặp hung cũng sẽ hóa thành tốt. Kỳ nhất là quý nhân gặp phải kỵ thần giúp đỡ đối phương để khắc lại dụng thần, nếu gặp phải như thế thì đã xấu càng xấu.

2. Mã tinh

Thân, tý, thìn : mã ở dẫn; dần, ngọ, tuất : mã ở thân;

Tỵ, dậu, Sửu : mã ở hợi;
hợi, mao, mùi : mã ở tỵ.



Hình bàn tay tam hợp cục mã tinh.

Mã tinh như là ngựa chủ về chạy khỏe, tượng về động. Trong dự đoán theo sáu hào mã tinh chủ yếu dùng để dự đoán sự động tĩnh của người đi xa. Nhất là ngày nay đất nước đang mở cửa, thấy Thiệu Vĩ Hoa đã dùng mã tinh để đoán cho những người ra nước ngoài dạy học, tham quan đã rút được rất nhiều kinh nghiệm, đoán rất thành công.

Thân, tý, thìn : mã ở dẫn là nói khi đoán vào các ngày thân, tý, thìn mà dụng thần

là dẫn, tức là quẻ có mã tinh. Nếu mã tinh gặp hào động lại có lợi cho dụng thần thì mã tinh là tốt. Những trường hợp khác cũng suy luận như thế.

Cách nhớ là : chỉ cần nhớ trong thân, tý, thìn hào đối xung của thân là dẫn, thì dẫn là mã tinh; trong dẫn, ngọ, tuất hào đối xung của dẫn là thân, thân là mã tinh; trong tý, dậu, Sửu hào đối xung của tý là hợi, hợi là mã tinh; trong hợi, mao, mùi, hào đối xung của hợi là tý, tý là mã tinh. Về tam hợp cục của thân, tý, thìn trước đây đã có giới thiệu, nay giới thiệu thêm hình bàn tay biểu thị mã tinh.

3. Đào hoa

Dẫn, ngọ, tuất kiến mao; Tý, dậu, Sửu kiến ngọ;

Thân, tý, thìn kiến dậu; Hợi, mao, mùi kiến tý.

Trong dự đoán theo sáu hào, đào hoa chủ yếu dùng để đoán hôn nhân và tài vận.

Dẫn, ngọ, tuất kiến mao là nói khi đoán việc nào các ngày dẫn hoặc ngọ, tuất nếu dụng thần là mao tài thì dụng thần gặp đào hoa. Đoán khi nào có người yêu, khi dụng thần vượng thì đó là lúc có người yêu hoặc là lúc thành hôn. Những trường hợp khác cũng tương tự. Cách nhớ là chỉ cần nhớ trong dẫn, ngọ, tuất ngôi sau dẫn là mao, tức là đào hoa. Trong tý, dậu, Sửu, ngôi sau tý là ngọ, ngọ là đào hoa. Trong thân, tý, thìn ngôi sau thân là dậu, tức dậu là đào hoa. Trong hợi, mao, mùi, ngôi sau hợi là tý, tức tý là đào hoa. Xem hình bàn tay.



Hình bàn tay tam hợp cục đào hoa.

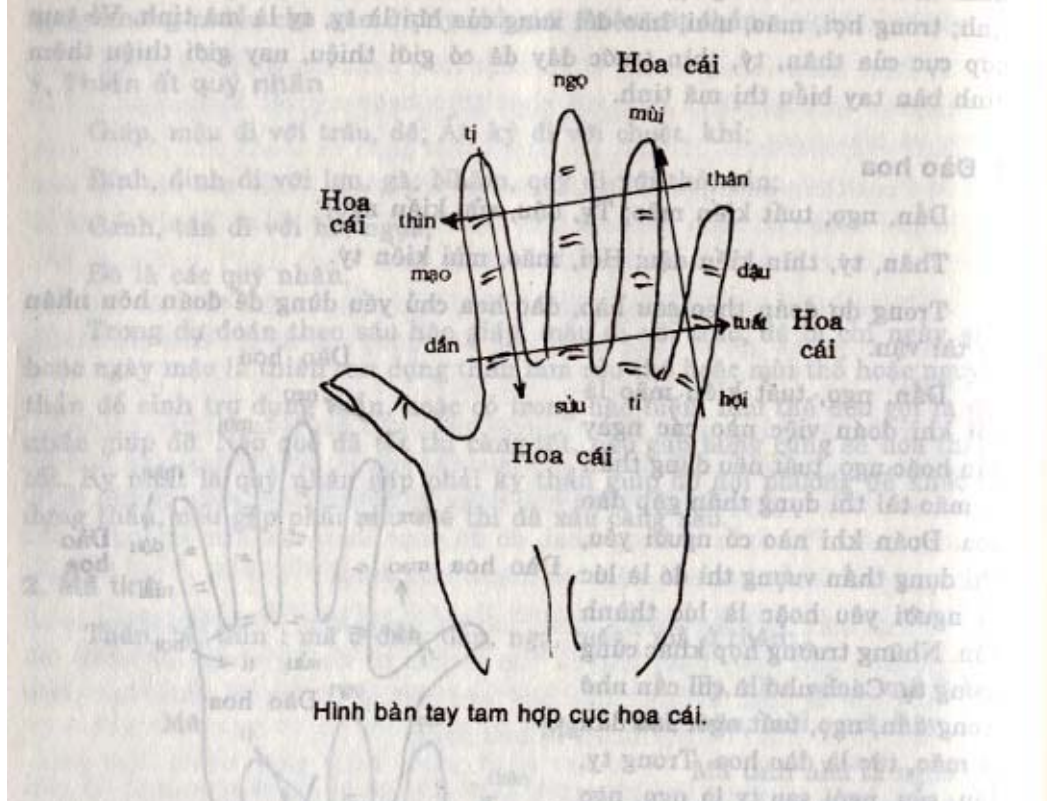
4. Hoa cái

Dẫn, ngọ, tuất kiến tuất; tý, dậu, Sửu kiến Sửu; thân, tý, thìn kiến thìn; hợi, mao, mùi kiến mùi.

Sao Hoa cái trong dự đoán theo sáu hào thường dùng để chỉ người xuất gia. Nếu quẻ gặp hoa cái thì trong mười người phải có đến 8, 9 người xuất gia tu hành.

Dần, ngo, tuất kiến tuất là nói đoán việc vào các ngày dần, ngo, tuất, dụng thần có tuất, tức quẻ gặp sao Hoa cái. Những trường hợp khác cũng được hiểu tương tự.

Cách nhớ là : trong dần, ngo, tuất : tuất là cuối cùng, trong thân, tý, thìn là thìn...



Chương 7

ĐOÁN HÀO

Cuối đời Đường, đầu đời Tống tương truyền có thầy Trần Chuyên giỏi về tướng thuật, là danh nhân thuật số trong lịch sử Trung Quốc. Cách đoán quẻ Hòa Chu Lâm của ông đã nêu ra "căn cứ để quyết định quẻ là lấy lục thân làm chủ". Ông chủ trương dùng sinh khắc hình hại, hợp mộ vượng không của ngũ hành để đoán quẻ. Lý luận đó là kế thừa lý luận của nhà dịch học Kinh Phòng. Nó đã đặt nền tảng vững chắc cho việc truyền bá đoán quẻ về sau này. Phương pháp đó cũng là tiền thân cho phương pháp đoán quẻ theo sáu hào hiện nay.

Phương pháp của sách "Hòa Chu Lâm" thiên về khảo sát mối quan hệ giữa các yếu tố hợp thành quẻ, nguyên tắc cơ bản của nó là căn cứ vào sinh, khắc, chế, hóa của ngũ hành. Nói một cách khái quát là phương pháp đoán quẻ của sách Hòa Chu Lâm là căn cứ vào sự xuất hiện của các nhân tố như dụng thần, nguyên thần, kỵ thần, tiến thần, thoái thần, phi thần, phục thần, hào động, hào biến ở trong quẻ, đồng thời khảo sát vị trí các ngôi và thời gian xuất hiện của chúng, cũng như mối quan hệ sinh phù tương hợp, hình xung khắc hại giữa chúng để xác định so sánh lực lượng giữa các yếu tố, lấy đó làm xu thế phát triển của sự việc cần đoán.

Trong chương này chúng ta ngoài việc giới thiệu các kiến thức về sáu hào và quy luật để nắm vững và ghi nhớ chúng còn giới thiệu công dụng của chúng. Dưới đây sẽ quy nạp thành hệ thống hoàn chỉnh để tiện cho độc giả dễ hiểu.

I. CÁC QUY TẮC ĐOÁN QUẺ

1. Quy tắc xác định dụng thần

Dụng thần là hào chủ sự, là nhân tố quan trọng nhất trong các nhân tố. Xác định không đúng dụng thần sẽ đoán quẻ không chính xác.

1) Dự đoán cát hung thì lấy hào thể làm dụng thần, dụng thần là mình, hào ứng là người khác.

2) Phàm đoán những vật hay người che chở cho mình đều lấy hào phụ mẫu làm dụng thần.

3) Phàm những vật hoặc người gò bó mình đều lấy quan quý làm dụng thần.

4) Những người cùng thế hệ với mình thì lấy hào huynh đệ làm dụng thần.

5) Đoán những vật hoặc những người bị mình sai khiến bao gồm cả đoán cho vợ và những người phụ nữ ngang vai vợ thì lấy hào thê tài làm dụng thần.

6) Đoán về con cháu, lấy hào tử tôn làm dụng thần.

7) Khi quẻ xuất hiện hai dụng thần nói chung là chọn hào vượng tướng làm dụng thần, bỏ hào suy nhược hoặc không có lực.

2. Quy tắc xác định dụng thần không vong

Khi việc cần đoán gặp không vong thì khó được cứu. Nếu những việc cần tránh hoặc xấu gặp không vong thì tốt. Ngoài dụng thần không vong ra thì các hào khác gặp không vong đều có thể dùng được, lúc đó không thể đoán là không có gì. Vì vậy quy định dụng thần gặp không vong gồm có các trường hợp sau :

1) Hào gặp hào tuần không lại bị nguyệt kiến xung.

2) Hào không vong là hào tĩnh.

3) Phục thần không vong lại còn bị khắc.

Đối với hào đích thực là không vong quy định như sau :

1) Thổ của mùa xuân là chân không.

2) Kim của mùa hạ là chân không.

3) Mộc của mùa thu là chân không.

4) Hỏa của mùa đông là chân không.

5) Các tháng Thìn Tuất Sửu Mùi thì thủy là chân không.

3. Điều kiện của sinh khắc

Giữa các ngũ hành đều có mối liên hệ tác dụng lẫn nhau. Tuy nhiên khi đoán quẻ không thể sử dụng hết các mối quan hệ giữa các ngũ hành, vì như thế sẽ tuần hoàn mãi và không phân biệt được cái chính cái phụ, tức là không xác định được đầu mối. Do đó khi đoán quẻ cần phải nắm vững các mối quan hệ chủ yếu và bỏ qua các mối quan hệ thứ yếu. Đối với nguyên thần sinh dụng, hoặc kỵ thần khắc dụng thần, cũng như mối sinh khắc giữa các hào trong quẻ và sự sinh khắc của nhật thần, nguyệt kiến đều là có điều kiện. Cụ thể như sau :

1) Nguyệt kiến, nhật thần có thể sinh khắc các hào trong quẻ, còn các hào thì không thể sinh khắc nguyệt kiến, nhật thần.

2) Hào động có thể sinh khắc hào tĩnh, còn hào tĩnh thì không thể sinh khắc hào động.

3) Hào được biến ra trong quẻ biến có thể quay đầu sinh khắc hào động trong quẻ chủ đã biến ra nó. Hào biến trong quẻ biến không thể sinh khắc các hào khác trong quẻ biến.

4) Hào vượng tương có thể sinh khắc hào suy nhược, còn hào suy nhược không thể sinh khắc hào vượng tương.

4. Lục hợp :

Phải có đầy đủ các điều kiện sau :

Ở phần trên đã nói, có lục hợp là tam hợp thành cục. Đầu tiên ta bàn về lục hợp. Nói chung quẻ được hợp thì mọi việc được bền vững, có đầu có đuôi. Nhưng cần phải chú ý : đối với việc tốt nên gặp hợp, hợp thì sự việc dễ thành; đối với việc xấu không nên gặp hợp, gặp phải hợp việc càng khó giải quyết. Cho nên lục hợp phải có đầy đủ các điều kiện sau mới có thể phán đoán là tốt hay xấu.

1) Nhật thìn, nguyệt kiến có thể hợp với các hào trong quẻ. Khi nhật nguyệt hợp với hào tĩnh của quẻ gọi là sự hợp lại. Hào tĩnh bị hợp có nghĩa là vượng tương. Khi nhật nguyệt hợp với hào động trong quẻ thì gọi là hợp chặt, nó khiến cho hào động không thể phát động để gây tác dụng.

2) Trong quẻ hào hợp với hào thì cả hai hào phải đều động. Nếu trong đó có một hào không động thì không thể gọi là hợp được, cả hai hào đều tĩnh càng không thể thành hợp. Hai hào đều động để thành hợp thì gọi là sự hợp tốt, làm cho dụng thần càng vượng tương, có sức.

3) Hào do hào động hóa xuất ra có thể hợp với hào động đó, ví dụ hào sũu động hóa xuất thành hào tỵ, tỵ sũu tương hợp với nhau gọi là sự hóa xuất sinh phù, tức là hào hóa xuất sự tương phù.

4) Sáu quẻ trong hào, 3 hào quẻ nội hợp với 3 hào quẻ ngoại gọi là quẻ gặp lục hợp, cho dù các hào đó động hay tĩnh.

5) Quẻ lục xung biến thành quẻ lục hợp cho dù hào động hay hào tĩnh đều được cả.

6) Quẻ lục hợp biến thành lục hợp được gọi là hợp từ đầu đến cuối.

5. Điều kiện tam hợp thành cục

Tam hợp thành cục có cát có hung, không thể chỉ nói một cách đại khái là trường hợp nào cũng tốt. Ví dụ đoán quẻ cầu mưu thì việc đang băn khoăn lo lắng nên hợp thành cục, như thế có nghĩa là sự việc được lâu dài bền bỉ. Nếu đoán về kiện tụng mà việc đương bản khoản lo lắng lại hợp thành cục

thì sự việc sẽ rất khó khăn. Khi đoán công danh hợp thành quan cục gọi là quan vượng; hợp thành tài cục thì có thể đoán sự việc được phát triển, đó đều là những điểm tốt. Nhưng nếu hợp thành tử tôn cục, vì tử tôn làm thương hại quan, nên sự việc sẽ không thành.

II. BÀN VỀ SINH KHẮC GIỮA LỤC THÂN VÀ CÁC HÀO ĐỘNG

Trong phần bàn về sự phối xếp lục thân, chúng ta đã có hiểu biết sơ bộ về quan hệ đối với lục thân. Trong phần bàn về nguyên thần, dụng thần, kỵ thần, cừu thần chúng ta cũng đã có nhận thức bước đầu. Nay bước sang phần đoán quẻ hào chúng ta phải kết hợp chúng lại để độc giả nắm vững được toàn diện hơn và dễ thực hiện.

1. Sự sinh khắc của lục thân

Trong tiết này trước khi bàn về sự sinh khắc của hào động, để tiện đối chiếu, ta lấy lục thân làm dụng thần và tổng kết mối quan hệ của nó với nguyên thần, kỵ thần, cừu thần như sau :

DỤNG THẦN	NGUYÊN THẦN	KỶ THẦN	CỪU THẦN
Hào phụ mẫu	Quan quý	Thê tài	Tử tôn
Hào huynh đệ	Phụ mẫu	Quan quý	Thê tài
Hào tử tôn	Huynh đệ	Phụ mẫu	Quan quý
Hào thê tài	Tử tôn	Huynh đệ	Phụ mẫu
Hào quan quý	Thê tài	Tử tôn	Huynh đệ

Lục thân tương sinh : Phụ mẫu → Huynh đệ → Tử tôn → Thê tài → Quan quý → Phụ mẫu.

Đó là mối quan hệ tương sinh tuần hoàn.

Lục thân tương khắc : Phụ mẫu → Tử tôn → Quan quý → Huynh đệ → Thê tài → Phụ mẫu. Đó là mối quan hệ tương khắc cách ngôi.

Cái sinh ra dụng thần là nguyên thần, khắc dụng thần là kỵ thần, bị dụng thần khắc là cừu thần.

2. Sinh khắc của lục thân và hào động

Quẻ có sáu hào lại phân ra hào động và hào tĩnh, có hào động ít có hào động nhiều. Trong các sách "Bốc phệ chính tôn – Túy Kim Phú" và "Chu dịch dự đoán học" đã bàn khá tỷ mỉ về sự có lợi và bất lợi, cũng như cát hung của hào động. Sau khi đọc phần đó chắc độc giả đã có khái niệm sơ bộ về cát hung của các hào, đồng thời biết được mối quan hệ sinh khắc của lục

thân. Ở đây xin giới thiệu rõ hơn mối quan hệ sinh khắc giữa hào động với các hào ở những mức nặng nhẹ khác nhau như sau :

"Tử động sinh tài, không nên bị phụ mẫu kiềm chế". Hào tử tôn là phúc thần, là nguyên thần của tài. Do đó hào tử tôn phát động là lợi lớn cho hào tài, cầu tài gặp được là đại cát. Hào phụ mẫu là kỵ thần của hào tử tôn. Cho nên khi hào tử tôn phát động thì hào phụ mẫu không nên động, vì động tất sẽ khắc hào tử tôn.

"Huynh động khắc tài, tử động có thể giải cứu". Hào huynh đệ là họa kiếp tài, cho nên khi hào huynh đệ phát động thì không lợi cho cầu tài, cầu hôn. Nhưng nếu hào huynh đệ và hào tử tôn đồng thời phát động thì hào huynh đệ không những không kiếp tài khắc thê mà còn có lợi cho hào thê tài. Như thế là vì huynh đệ động sinh tử tôn, tử tôn động sinh thê tài tức là liên tục tương sinh. Cho nên người ta nói thê tài mừng được hào huynh đệ và hào tử tôn đều động để tương sinh.

"Tài động sinh quý, kỵ nhất huynh đệ động". Hào tài là nguyên thần của hào quan quý. Đoán cầu danh hoặc quan vận nên gặp hào thê tài phát động để sinh quan. Hào huynh đệ là thần kiếp tài, là họa phá tài, cho nên khi hào tài động, thì hào huynh đệ tĩnh mới là tốt.

"Tử tôn khắc quan quý, nếu hào tài động thì có thể khắc phục được". Hào tử tôn là kỵ thần của quan quý. Do đó khi đoán cầu danh hoặc quan vận, kỵ nhất là hào tử tôn phát động. Nhưng nếu hai hào tử tôn và thê tài đều động thì tử tôn động sinh tài, tài động lại sinh quan, tức là liên tục tương sinh.

"Phụ động sinh huynh, kỵ nhất bị tài tương khắc". Hào phụ mẫu là nguyên thần của hào huynh đệ, hào tài là kỵ thần của hào phụ mẫu. Do đó hào phụ mẫu phát động, hào tài cũng động thì nhờ tài động khắc phụ mẫu nên phụ mẫu không thể sinh trợ được hào huynh đệ.

"Quý động khắc huynh đệ, phụ mẫu động có thể làm xì hơi". Hào quan quý là kỵ thần của hào huynh đệ. Khi đoán về việc anh em thì kỵ nhất là hào quan quý phát động. Còn nếu hào quan quý và phụ mẫu đều động thì nhờ có quý động sinh phụ, phụ động lại sinh huynh nên có lợi cho việc của anh em.

"Quý động sinh phụ, kỵ nhất là xuất hiện hào tử tôn trùng lặp". Hào quan quý là nguyên thần của hào phụ mẫu. Đoán các việc về phụ mẫu hoặc văn thư, tốt nhất là gặp hào quan quý động để sinh trợ. Hào tử tôn là kỵ thần của quan quý. Do đó hào tử tôn phát động sẽ khắc chế hào quan quý để không thể sinh trợ hào phụ mẫu. Cho nên quan quý động có thể sinh phụ mẫu, lúc đó nên kỵ hào tử tôn phát động.

"Tài động khắc phụ, quý động có thể sinh trợ phụ". Hào thê tài là kỵ thần của hào phụ mẫu. Tài động tất sẽ khắc phụ mẫu. Nếu hào tài và quan

quỷ đều động, thì nhờ có tài sinh quan, quan sinh quỷ tức là mừng gặp được sự tương sinh liên tục.

"Huynh động sinh tử, kỵ nhất là quan quỷ cũng động". Hào huynh đệ là nguyên thần của hào tử tôn. Cho nên huynh đệ động thì sẽ sinh tử tôn. Hào quan quỷ là kỵ thần của hào huynh đệ, cho nên khi hào huynh đệ động thì hào quan quỷ nên yên tĩnh là tốt.

"Phụ động khắc tử, huynh đệ động không đáng ngại". Phụ mẫu là nguyên thần của hào huynh đệ. Khi nào phụ mẫu phát động thì hào huynh đệ cũng nên động. Vì phụ mẫu động sinh huynh đệ, huynh đệ động lại sinh tử tôn. Đó gọi là trong khắc có cứu nên không đáng ngại.

"Tử hưng khắc quỷ, phụ động sẽ kiểm chế; nếu huynh đệ động thì quan quỷ tất sẽ bị tổn thương". Hào tử tôn là kỵ thần của hào quan quỷ, tử tôn phát động tất sẽ khắc hại quan quỷ. Nhưng nếu được hào phụ mẫu cũng động thì sẽ chế ngự được hào tử tôn, nên hào quan quỷ không bị phương hại. Nếu cả ba hào : phụ mẫu, huynh đệ, tử tôn đều động thì quan quỷ tất nhiên sẽ bị khắc hại tổn thương.

"Tài động khắc phụ, có huynh đệ động thì không đáng lo nữa. Nếu tử tôn cũng động thì khó mà bảo đảm được an toàn cho hào phụ mẫu". Hào thê tài là kỵ thần của hào phụ mẫu. Hào tài phát động sẽ khắc hào phụ mẫu. Nếu có hào huynh đệ phát động để kiểm chế hào thê tài là tốt nhất. Vì vậy mà nói : huynh đệ động khắc tài là phụ mẫu có cứu. Nếu trong quẻ cả 3 hào : thê tài, huynh đệ, tử tôn đều phát động ta sẽ có huynh đệ động sinh tử tôn, tử tôn động sinh thê tài. Hào tài được sinh lại động khắc hào phụ mẫu, khi đó khó mà bảo đảm an toàn cho phụ mẫu.

"Phụ động khắc tử, nếu có tài động thì vô sự; nếu hào quan quỷ hưng vượng thì hào tử tôn tất sẽ bị tổn thương". Hào phụ mẫu là kỵ thần của tử tôn, hào tài là kỵ thần của phụ mẫu. Hào phụ mẫu động, lại có cả hào tài động, nhờ hào tài động mà chế khắc phụ mẫu, nên có thể cứu được tử tôn. Quan quỷ là nguyên thần của phụ mẫu, là cầu thần của tử tôn. Cho nên quan quỷ vượng và phát động sẽ sinh hào phụ mẫu. Phụ mẫu được sinh lại càng khắc tử tôn mạnh, nên tử tôn bị tổn thương khắc hại.

"Quỷ hưng khắc huynh, nhờ tử tôn động để cứu; nếu thê tài xuất hiện trùng lặp thì hào huynh đệ không được lâu bền". Hào quan quỷ phát động sẽ khắc hào huynh đệ, lúc đó nếu hào tử tôn cũng động thì nó sẽ khắc hào quan quỷ, tức là trong khắc có cứu. Nếu cả ba hào tử tôn, thê tài, quan quỷ đều phát động, tức nhờ tử tôn động sinh tài, tài động sinh quỷ, quỷ nhờ được tài giúp đỡ nên hào huynh đệ tất sẽ bị khắc hại.

"Huynh hưng khắc tài, nhờ có quỷ hưng thì không đáng lo nữa; nếu hào phụ mẫu hưng thì hào thê tài tất bị khắc hại" Huynh đệ hưng vượng sẽ khắc

thê tài. Nếu có hào quan quý hưng vượng để khắc chế hào huynh đệ thì hào thê tài bình an vô sự. Nhưng nếu cả ba hào quan quý, phụ mẫu, huynh đệ đều động, tức là quẻ động sinh phụ mẫu, phụ mẫu động sinh huynh đệ, huynh đệ được sinh vượng tất nhiên thê tài bị khắc hại.

III. XÁC ĐỊNH THỜI GIAN ỨNG NGHIỆM

1. Thời gian ứng nghiệm của sự sinh khắc

Sáu hào của quẻ phối với lục thân, lục thân lại có quan hệ với dụng thần. Hào thể là mình, hào ứng là người khác, dụng thần là việc cần đoán. Xác định thời gian ứng nghiệm của việc cần đoán chủ yếu lấy hào thể và dụng thần làm chủ, xem hào nào sinh cho hào thể và sinh cho dụng thần. Đối với việc là cát hay hung mà nói, hào thể và dụng thần nên được tương sinh, không nên bị khắc, được tương sinh là tốt, bị khắc là xấu. Nguyên thần lâm trường sinh để vượng để sinh hợp với hào thể hay dụng thần là phúc lộc được bội tăng; kỵ thần lâm trường sinh để vượng để khắc hào thể và dụng thần thì tai họa rất lớn.

2. Thời gian ứng nghiệm khi hào thể và dụng thần được sinh

1) Thời gian ứng nghiệm khi hào thể và dụng thần được sinh

Phạm đoán các việc vui mừng, hào thể và dụng thần nên gặp nhật thìn, nguyệt kiến, hào động và hóa sinh trở lại. Cách xác định thời gian ứng nghiệm của chúng như sau :

- Khi dự đoán bệnh cho mình, nếu lấy hào thể sừu thổ làm dụng thần, hào tỵ, ngộ hỏa là nguyên thần thì thời gian ứng nghiệm là lúc tỵ, ngộ hỏa sinh sừu thổ, lúc đó bệnh sẽ khỏi.
- Nếu nguyên thần tỵ, ngộ hỏa không xuất hiện thì phải chờ đến lúc xuất hiện mới ứng nghiệm.
- Nếu nguyên thần tỵ, ngộ hỏa là hào tĩnh thì phải chờ sau lúc gặp lại tỵ, ngộ hỏa mới ứng nghiệm.
- Nếu nguyên thần tỵ, ngộ hỏa bị hào hợi thủy khắc thì phải chờ xung mất hào hợi thủy, hoặc lúc hợi, tỵ thủy nhập kho, đó là lúc bệnh khỏi.
- Nếu tỵ, ngộ hỏa là tuần không nguyệt phá thì phải chờ lúc xuất không gặp hợp, bệnh mới khỏi.
- Nếu tỵ, ngộ hỏa tham hợp quên sinh thì phải chờ đến lúc gặp xung, bệnh mới khỏi.
- Nếu tỵ, ngộ hỏa nhập hóa kho mộ thì phải chờ đến lúc xung mất kho, thời gian mới ứng nghiệm.

2) Thời gian ứng nghiệm của hào thể bị khắc và dụng thần bị khắc :

Đoán cát hung, hào thể và dụng thần bị khắc là xấu. Nhưng không thể nhất loạt cho rằng cứ hào thể, dụng thần bị khắc đều là xấu, mà muốn biết xấu hay tốt thì phải xem việc cần đoán là gì. Ví dụ đoán người đi xa khi nào trở về thì phải xem "dụng thần khắc hào thể là người sẽ về". Đó là một kinh nghiệm rất quý báu. Trường hợp dụng thần không khắc hào thể, là người chưa quay về. Nếu đoán về việc kiện tụng, lấy hào quan quý làm dụng thần. Quan quý là người ta khắc mình, nếu dụng thần quan quý bị khắc, thì không những không xấu mà ngược lại là tốt.

Cái khắc hào thể, dụng thần là kỵ thần. Hào thể, dụng thần là mộ thì kỵ thần tất phải là kim của thân Dậu. Cho nên đúng lúc thân Dậu xuất hiện tất sẽ ứng nghiệm phát sinh điều xấu. Ví dụ đoán về bệnh tật, hào thể là mao mộ, thân kim là kỵ thần thì tất nhiên khi lâm ngày, tháng thân, Dậu thì sẽ bị khắc. Nếu thân, Dậu là kỵ thần được cứu thân ngày, tháng, hào động sinh, như thế gọi là lúc ứng nghiệm bị khắc. Nếu kỵ thần hóa trường sinh hoặc lúc lâm trường sinh thì việc bị khắc cũng sẽ ứng nghiệm. Nếu kỵ thần hóa Dậu kim, thì khi gặp Dậu kim chính là lúc bị khắc. Kỵ thần hóa kỵ xung, Dậu kim động hóa thành thân, thì lúc gặp Dần xung động là lúc ứng nghiệm, hoặc thân xung cũng là lúc ứng nghiệm. Tóm lại, đoán việc xấu kỵ thần nên gặp kho, nhập kho, hóa kho hoặc lâm vào đất hưu tù tử tuyệt, hoặc hóa thoái, hóa tuyệt, hóa tử, hóa hợp là tốt nhất.

3. Thời gian ứng nghiệm của tuần không

Tuần không có cát có hung. Phạm đoán cát hung, gặp trường hợp hào thể, dụng thần là tuần không, thì đến năm, tháng, ngày giờ xuất không sự việc sẽ ứng nghiệm. Nếu là việc xấu, đúng năm, tháng, ngày, giờ xuất không tai họa sẽ đến. Ví dụ đoán cầu tài ở trong tuần giáp Thìn, được hào dẫn, mao mộ tài là dụng thần, tất phải chờ đến ngày xuất không thì mới được của; nếu đoán bệnh tật, dẫn, mao là kỵ thần, chờ đến lúc dẫn, mao xuất không thì tai họa sẽ đến.

Dụng thần tuần không phát động thì phải chờ ra khỏi tuần trực nhật thì sự việc sẽ ứng nghiệm. Dụng thần động mà gặp không, hóa không thì phải chờ đến lúc xuất không sự việc sẽ ứng cát hoặc hung. Dụng thần tuần không lại gặp hợp thì phải chờ đến lúc xung khai cát hung mới ứng nghiệm. Dụng thần tuần không mà gặp khắc thì phải chờ đến lúc xuất không hoặc chế sát được thì sự việc mới ứng nghiệm. Dụng thần tuần không mà nhập kho thì phải chờ đến lúc xung mất kho mới ứng nghiệm.

4. Thời gian ứng nghiệm của gặp hợp

Khi gặp hợp thì phải phân biệt tam hợp với lục hợp. Phạm đoán việc vui mừng, gặp tam hợp hay lục hợp là tốt. Phạm đoán việc lo lắng không

may, xuất hành, người đi xa thì không nên gặp hợp. Đoán điều lo mà gặp hợp thì khó giải, khó kết quả. Đối với người xuất hành hoặc đi xa nếu gặp hợp là bị trói chặt, không động được, hoặc muốn trở về nhưng còn bị ràng buộc. Tam hợp, lục hợp mà sinh hay hợp cho hào thế, cho dụng thần là tốt, nếu xung khắc hào thế hay dụng thần là xấu. Nguyên thần, dụng thần nhập cục là tốt; kỵ thần, cừu thần nhập cục là xấu. Cho nên nói tam hợp, lục hợp có cát có hung.

Tam hợp, ví dụ thân, tỵ, thìn hợp thành thủy cục. Khi dự đoán nếu quẻ trong ngày đó mà dụng thần động để thành tam hợp cục, hoặc lâm nguyệt kiến, nhật thìn để thành tam hợp cục, thì sự cát hung sẽ ứng nghiệm ngay trong ngày đó. Nếu tam hợp cục có một hào bị phá thì phải chờ đến lúc hào đó gặp hợp, cát hung mới ứng nghiệm. Nếu hào tĩnh gặp tuần không hoặc bào động hóa không thì phải chờ đến lúc xuất không cát hung mới ứng nghiệm. Ví dụ một hào tĩnh, 2 hào động thì phải chờ hào tĩnh lâm nhật thìn hoặc nguyệt kiến cát hung mới ứng nghiệm. Nếu hào tuần không gặp hợp, hào tĩnh mà gặp hợp thì phải chờ đến lúc xung khai sự việc mới ứng nghiệm. Có tam hợp tự hợp, mộ và nhật, nguyệt hợp thì phải chờ đến lúc xung khai sự hợp đó thì việc mới ứng nghiệm. Nếu nhập kho hoặc động mà kho thì phải chờ đến lúc xung khai khỏi kho sự việc mới ứng nghiệm. Nếu hóa tuyệt hoặc có một hào rơi vào tuyệt thì phải chờ đến lúc sinh vượng, sự việc mới ứng nghiệm.

Chú ý : Hào thế và dụng thần ở trong cục hoặc cục sinh hợp với hào thế; dụng thần là tốt. Cục khắc hào thế, dụng thần là xấu.

Lục hợp đại loại như tỵ hợp với sừ. Ví dụ dụng thần lâm mao mộc phát động, sau đó lúc gặp mao tuất là lúc sự việc ứng nghiệm.

5. Thời gian ứng nghiệm của gặp xung

Xung ở đây là chỉ lục xung, lục xung có điều tốt, có điều kiêng kỵ. Phàm đoán việc vui thì không nên gặp xung, xung tất sẽ làm tan vỡ. Phàm đoán việc kiện tụng, lo buồn thì nên gặp xung, xung thì sẽ tiêu tan do đó là tốt. Đoán bệnh tật nếu mới mắc bệnh mà gặp xung thì sẽ khỏi; mắc bệnh lâu gặp xung sẽ chết.

Dụng thần gặp xung, lúc gặp trở lại hợp việc sẽ ứng nghiệm. Dụng thần bị xung tuần không, lúc xuất không sự việc sẽ ứng nghiệm. Ví dụ : dụng thần là dần bất động, sau lại gặp ngày, tháng dần, thân chính là lúc sự việc ứng nghiệm.

6. Thời gian ứng nghiệm của tam hình

Tam hình chủ về các việc xấu, tai họa. Quẻ gặp phải thì họa không nhỏ. Tam hình có loại hai hào tương hình nhau, có loại 3 hào tương hình nhau.

Ví dụ : dẫn hình ty, ty hình thân, thân hình dẫn; tý hình mao, mao hình tý... Đó gọi là hai hào hình nhau. Nếu trong quẻ có dẫn, ty, thân và 1 tý hình 3 mao, 3 mao hình 1 tý gọi là ba hào tương hình nhau.

Hào thể, dụng thần gặp hình thì đúng ngày tháng trực nhật việc xấu sẽ ứng nghiệm. Trong ba hào có 1 hào tuần không, lúc hào đó xuất không việc xấu sẽ ứng nghiệm. Khi ba hào có một hào nhập kho, lúc xung kho việc xấu sẽ ứng nghiệm. Khi ba hào có một hào hưu tù, lúc hào đó sinh vượng thì việc xấu sẽ ứng nghiệm.

IV. HỌC DỰ ĐOÁN VÀ CÁC VÍ DỤ CỤ THỂ

Trong dự đoán theo sáu hào, đối với những người mới học thường sau khi lập quẻ xong không biết nên bắt đầu từ đâu. Ở tiết trên ta đã nghiên cứu các trường hợp hào động sinh khắc nhau, ở tiết này ta sẽ sắp xếp các bước dự đoán thành hệ thống trước sau, độc giả có thể đi theo từng bước đó để dự đoán khỏi lúng túng.

Bước 1 :

1. Xem sự vượng suy, sinh khắc của dụng thần.

Trong 1 quẻ ngoài việc đoán cát hung theo hào thể và hào ứng, đó là cách đoán theo phương pháp dụng thần, vì bất quá lấy việc đoán sự việc làm chủ, cho nên khi chọn dụng thần xuất phát từ lục thân có rất nhiều cách, còn đoán theo hào thể và hào ứng thì phần nhiều là đoán cho những việc có liên quan với mình.

Dụng thần nên vượng, không nên tuần không, không nên bị không phá, mộ tuyệt; nên gặp nhật nguyệt ở vượng địa hoặc được nhật nguyệt sinh, không nên bị nhật nguyệt xung khắc; nên được hào động sinh, không nên bị hào động xung khắc hình hại.

Khi chọn dụng thần, nếu gặp trường hợp quẻ có hai dụng thần, thì vứt bỏ dụng thần hưu tù, chọn dụng thần vượng tương bỏ tính lấy động, bỏ dụng thần bị nguyệt phá, bỏ dụng thần tuần không, hoặc dụng thần bị khắc phá thương tổn. Khi xuất hiện 2 dụng thần đều tĩnh hoặc đều động, căn cứ kinh nghiệm thực tiễn nên lấy dụng thần ở gần hào thể, hoặc dụng thần được sinh trợ, hoặc dụng thần lâm nhật, nguyệt kiến.

2. Hoặc xem sự vượng suy, sinh khắc của hào thể và hào ứng.

Mức độ cát hung của tượng quẻ là lấy sự sinh khắc của quẻ thượng và quẻ hạ, quẻ thể và quẻ dụng làm tiêu chí. Còn đối với 6 hào thì lấy sự vượng suy của hào thể, hào ứng làm tiêu chí sinh khắc, trong đó hào thể là mình, còn hào ứng là đối phương hay sự việc. Hào thể như thân thể của người, nên

sinh vượng, nên được hào ứng sinh, kỵ nhất là hào thể rơi vào tử mộ bị khắc hại. Hào ứng như là đối phương hay sự việc cần đoán. Hào ứng vượng để sinh hào thể là tốt, vượng mà khắc hào thể là rất xấu. Hào thể khắc hào ứng là lợi cho mình, hào ứng khắc hào thể là lợi cho đối phương. Hai hào thể, ứng ngang hòa thì việc gì cũng có thể thành công.

Hào thể tuần không là mình không có thực lực, hào ứng tuần không là đối phương không thành thật. Hào thể động là mình biến đổi, hào ứng động là đối phương biến đổi, biến thành tốt hay thành xấu thì phải xem ngũ hành sinh khắc có lợi cho ai.

3. Hoặc xem sự vượng suy, sinh khắc của phi thần, phục thần.

Khi quẻ không có dụng thần, phải mượn dụng thần trong quẻ dầu của cung đó. Dụng thần mượn gọi là phục thần, hào cùng ngôi trong quẻ chủ ở bên cạnh phục thần gọi là phi thần.

Phục thần khắc phi thần thì sự việc xuất hiện nhanh, (sự việc xấu mà đến nhanh); phi thần khắc phục thần là bản thân bị tổn hại. Phục thần sinh phi thần là mình bị xi hơi, phi thần sinh phục thần là mình được trường sinh. Phục thần khắc phi thần là bình an vô sự, phi thần làm hại phục thần là không yên ổn. Tóm lại : phục thần nên vượng không nên suy, nên được phi thần sinh, không nên bị phi thần khắc.

Bước 2 : Xem dụng thần có bị tuần không hay không.

Trong quẻ có lúc không những hào thể, hào ứng bị tuần không mà dụng thần cũng có thể bị tuần không. Tuần không mà vượng thì không phải là tuần không. Động cũng không phải là tuần không, hoặc được nhật thìn, nguyệt kiến sinh trợ, được hào động hóa không, phục thần vượng tương, hoặc đến ngày xuất không thì đều không còn là tuần không nữa.

Tuần không là : bị nhật phá, bị hưu tù vô động, phục thần bị khắc, bị chân không. Chân không tức là : hào thổ của mùa xuân, hào kim của mùa hạ, hào mộc của mùa thu, hào hỏa của mùa đông.

Dụng thần, nguyên thần không nên tuần không; kỵ thần, cầu thần tuần không là tốt nhất.

Bước 3 : Xem nguyên thần.

Sau khi lập được 6 hào, muốn biết việc sẽ tốt hay xấu, thành hay bại thì còn phải xem sự vượng suy của nguyên thần và nguyên thần phát động hay không. Nguyên thần nên vượng không nên suy, nên động không nên tĩnh, nên gặp nhật thìn, nguyệt kiến, không nên bị tuần không phá hại. Nếu nguyên thần sinh vượng và phát động để sinh trợ dụng thần thì mọi việc đều rất tốt.

Bước 4 : Xem kỵ thần.

Kỵ thần là cái khắc chế dụng thần. Do đó kỵ thần nên bị không phá, tử mộ tuyệt, không nên sinh vượng, nên tĩnh không nên động, nên bị khắc chế không nên bị sinh phù.

Bước 5 : Xem nhật thìn.

Nhật thìn tức là lệnh ngày, tức nhật kiến. Nhật thìn không những là tiêu chí cụ thể của sinh vượng tử tuyệt của sáu hào, mà còn là căn cứ quan trọng để dự đoán sự thành bại của sự việc.

Trong quẻ, dụng thần vượng lại được nhật kiến sinh thì càng vượng, dụng thần hưu tù nếu gặp nhật kiến sinh thì như cây khô được tưới, gặp hung hóa cát. Nguyên thần được nhật lệnh sinh để sinh trợ dụng thần thì vạn sự như ý.

Dụng thần bị nhật lệnh xung khắc hình hại là xấu. Nếu dụng thần được nguyệt kiến vượng tướng thì còn vô sự, nếu dụng thần bị hưu tù vô lực thì như đã tuyết lại còn thêm sương tuyết, đã xấu lại càng xấu thêm. Tóm lại, hào tuy vượng nhưng nhật kiến có thể khắc xung, hình hại. Hào vượng tướng gặp nguyệt xung không phá, nhật khắc không bị thương, gặp hào động khắc thì cũng không bị hại, gặp hào hóa khắc trở lại cũng không đến nỗi xấu.

Tác dụng của nguyệt kiến cũng giống như nhật kiến.

Bước 6 : Xem sự động, tĩnh của sáu hào.

Ngoài mối quan hệ sinh khắc của các hào động đã bàn đến ở trên, khi tất cả 6 hào đều tĩnh thì phải xem nhật thìn. Nếu nhật thìn khắc hoặc hình hại dụng thần thì tiến hành công việc phải thận trọng. Nếu được nguyên thần lâm nhật thìn để sinh trợ dụng thần là tốt.

Sáu hào đều động là loạn động, có nghĩa là việc sẽ lặp đi lặp lại, không rõ, không thuận. Nếu dụng thần vượng tướng lại được nguyên thần sinh trợ, hoặc được kỵ thần và nguyên thần đều động để sinh trợ là tốt. Ngược lại dụng thần đã suy lại còn bị khắc là xấu.

Bước 7 : Xem lục hợp và tam hợp cục.

Nếu cùng dụng thần để hợp thành cục là rất tốt. Hợp thành nguyên thần cục để có thể sinh trợ dụng thần là tốt. Kỵ nhất là cùng với kỵ thần hợp thành cục để khắc dụng thần hoặc khắc hào thế, vì như thế là xấu.

Dưới đây sẽ phân tích một số ví dụ cụ thể, bao gồm cả sự dự đoán tổng hợp theo tượng quẻ để bạn đọc tham khảo. Trong đó có cả những ví dụ trước khi đoán còn chưa biết được dụng thần, để so sánh sự khó khăn khi phải chọn dụng thần, đồng thời đó cũng là các trường hợp thường hay gặp trong thực tế. Cho nên chúng ta vừa đoán vừa suy luận, để qua đó nêu lên một số điểm cần chú ý trong dự đoán.

1. Chọn phương pháp lập quẻ

Để đoán quẻ, phần nhiều dùng hai hình thức : lập quẻ theo thời gian và lập quẻ theo gieo đồng tiền. Phương pháp lập quẻ theo thời gian tiện lợi ở chỗ khi trong người không sẵn có 3 đồng tiền, hoặc lúc gặp việc vội vàng cần đoán ngay sự cát hung qua tượng quẻ. Lúc đó chỉ cần biết ngày tháng âm lịch là có thể lập được quẻ dễ dàng.

Nói chung phương pháp gieo đồng tiền để lập quẻ, có khi hào động nhiều hoặc ít. Đối với những người trình độ phán đoán còn có hạn, yếu lĩnh còn non thì khó đoán được chuẩn. Cho nên đối với người mới học dùng phương pháp lập quẻ theo thời gian là thích hợp nhất. Có lúc vừa nhận được tin nhưng đương sự lại không có mặt ở đó để gieo quẻ, mà lại muốn biết ngay việc đó đại thể tốt hay xấu thì dùng phương pháp lập quẻ theo thời gian, kết quả đoán sẽ khá chính xác.

Lập quẻ theo thời gian có thể căn cứ vào thời gian nhận được thông tin hoặc thời gian sự việc phát sinh. Ví dụ, mất nhẫn có mặt đá quý có thể tìm lại được không, ở đây là trường hợp như thế.

Ngày 6 tháng 12 âm lịch năm 1992 tôi nhận được một cú điện thoại đường dài của một người bạn gái họ Vương từ đảo Hải Nam gọi tới. Cô ấy bảo vì không cẩn thận nên đánh mất chiếc nhẫn có mặt đá quý trong nhà ăn khách sạn, hỏi có khả năng tìm lại được không.

Lập quẻ được quẻ "Tồn" của quẻ "Khuê". Giờ canh ngọ, ngày kỷ mao, tháng quý Sửu, năm nhâm thân.

HỎA TRẠCH KHUÊ

LỤC THẦN

Phụ mẫu tỵ hỏa -	Câu trần
Thê tài tỵ thủy : Huynh đệ mùi thổ - -	Chu tước
Tử tôn dậu kim - thế, động	Thanh long
Huynh đệ Sửu thổ - -	Huyền vũ
Quan quý Mão mộc -	Bạch hổ
Phụ mẫu tỵ hỏa - ứng	Phi xà

Vì nhẫn quý là hào thê tài, dụng thần không hiện trong quẻ nên không xem quẻ biến, mà mượn phục thần ở cung gốc của quẻ chủ. Hào thê tài tỵ thủy phục dưới hào huynh đệ mùi thổ. Trước hết hào tài không hiện trong quẻ đã là điều không hay, nguyên nhân tử tôn dậu kim lại bị nhật phá, tuy nhiên hào đó động nên không còn bị phá nữa. Nhưng dậu kim lại rơi vào hưu tù, còn gặp tuần không nên không có lực để sinh trợ phục thần, còn kỳ thần huynh đệ mùi thổ là phi thần, đứng vào giờ ngọ là lúc hào thê tài tỵ thủy gặp xung, nhưng ngược lại là lúc hào huynh đệ mùi thổ nhờ hợp mà vượng. Đó lại là hào 5 là đường đi nên có thể đoán như sau : nhẫn mất vào

giờ ngo ở trên lối đi của nhà ăn, tức bị người khác nhặt mất, là tượng khó tìm lại được.

Nếu xem tượng quẻ ta còn biết được : quẻ thượng là quẻ ly là quẻ dụng, quẻ hạ là quẻ đoài là quẻ thể, hỏa khắc kim tức dụng khắc thể, nên chắc chắn là bị tổn hao.

Qua hai ngày sau, người bạn đó báo lại vật đáng giá trị trên nghìn đồng, nhưng không tìm lại được. Lúc quay lại tìm thì có người nói : nhìn thấy có kẻ nhặt được trên lối đi.

Quẻ này phi thần khắc phục thần, hào thể tài lại không hiện trên quẻ, đó đều là tượng không tốt. Tuy nhiên về mặt tượng quẻ là vượng tướng nên có thể tìm lại được, nhưng vì nguyên thần gặp nhật phá lại hưu tù không vong nên không thể ngay ngày giờ đó tìm được. Hào tý thủy lại gặp ngo xung, lúc mất vừa đúng hào huỳnh đệ kiếp tài nên chắc chắn là khó tìm lại được. Như thế đại thể là quẻ tổn tài, lại khó tìm được, cho nên dù hào thể tài vượng thì sự vượng đó cũng chỉ là biểu thị vật bị mất có giá trị cao mà thôi. Còn quẻ trước xung sau hợp, hay trước hợp sau xung muốn biết vật mất có tìm lại được hay không còn cần kết hợp với xem lục thân để phán đoán. Ví dụ : đoán về hôn nhân, tình yêu thì trước hợp sau xung là quy luật tự nhiên. Tóm lại là phải xem sự việc cụ thể để đoán.

Còn phương pháp lập quẻ theo gieo quẻ nói chung dùng khi người muốn đoán việc có mặt. Khi gieo quẻ, phải đặt ba đồng tiền nằm phẳng trong lòng bàn tay, hai bàn tay úp vào nhau để yên độ 1 phút, đồng thời tập trung ý niệm vào sự việc mình muốn đoán. Ví dụ đoán cho một vụ buôn bán thì ý niệm tập trung vào đạt kết quả hay không ? Cho nên việc lập quẻ theo phương pháp gieo đồng tiền thường dùng cho trường hợp người đoán quẻ có mặt. Gặp khi người đó vắng mặt thì phải tìm người ruột thịt. Ví dụ đoán mất con thì tốt nhất là người mẹ gieo quẻ, vì như thế thông tin sẽ chuẩn hơn so với bất kỳ người nào khác. Hay muốn đoán người nhà thất lạc, hoặc trẻ con bị bắt cắp hiện ở đâu, có thể tìm về được không thì người nhà phải tập trung toàn bộ ý niệm vào đó để có thể phát ra thông tin trong quẻ. Mỗi quẻ đoán cho một việc. Lúc gieo quẻ tính cả đồng tiền rơi xuống đất. Kỵ nhất là một người liên tục gieo nhiều quẻ đoán nhiều sự việc. Chúng ta có thể qua ví dụ dưới đây để thấy được cách đoán quẻ độc đáo của thầy Thiệu Vĩ Hoa.

Sáng ngày mậu thìn, tháng canh thân, tôi (Trần Viên) ra phố mua hàng, không may lúc đẩy cửa, cửa bị đồ kính vỡ nát, còn bị thương vào chân. Lúc trở về tôi nói với thầy Thiệu : "Hôm nay tôi thật không may..."

Thầy Thiệu liền bảo : "Đừng nói, đừng nói, để tôi rút quẻ xem sự việc ra sao" :

Vừa nói thầy Thiệu vừa rút quẻ trong bộ thẻ dự đoán theo sáu hào và nói : "Khi cô đi ra ngoài, tôi thấy trong lòng "nhảy " nhót một cái và có cảm

giác bất an, muốn biết kết cục có gặp gì không. Vì lúc đó chỉ một mình cô đi ra ngoài, nên quẻ này đương nhiên là có liên quan đến cô. Thấy Thiệu rút thẻ được quẻ như sau :

ĐỊA HỎA MINH DI

Phụ mẫu dậu kim — động

Huynh đệ hợi thủy — —

Quan quỷ sửu thổ — — thế

Huynh đệ hợi thủy —

Quan quỷ sửu thổ — —

Tử tôn mao mộc — ứng

LỤC THẦN

Chu tước

Thanh long

Huyền vũ

Bạch hổ

Phi xà

Câu trăn

Trước hết hào quan quỷ trì thế là thân bất an, điều đó chứng tỏ lòng tôi nhảy thót là rất có lý. Quẻ "Minh di" vừa lập xong tức biết được cô sẽ bị thương, hơn nữa dụng thần là hào tử tôn mao mộc là cô bị hào phụ mẫu động khắc. Hào đầu là chân, nên cái bị khắc là chân. Phụ mẫu dậu kim ở quẻ Khôn động, khôn là âm khí nặng, là tượng không tốt. Cụ thể cái gì làm chân bị thương ? Quẻ Khôn có ba hào âm giống như một hàng cửa trên mặt đất, điều đó chỉ có thể là những cánh cửa kính ở tầng hầm của cửa hàng. Hào thượng ở quẻ ngoại động, tức là khi cửa bị đẩy ra ngoài đổ vỡ làm cho chân bị thương. Hào thượng là dậu kim chứng tỏ không phải cửa làm bằng gỗ mà là cửa khung kim loại lắp kính. Còn bị thương nặng hay nhẹ thì có thể xem quẻ thế sinh quẻ dụng nên biết được bị thương không đáng kể.

Ngoài ra, từ hào thượng phụ mẫu động còn có thể biết thêm lá đơn tôi nộp để xin thành lập "Trung tâm Dự đoán Thiệu Vĩ Hoa" đã được phê chuẩn. Đến ngày thân dậu phụ mẫu vẫn thư động thì sẽ có kết quả. Quả nhiên ngày thân tôi nhận được một bức thư gửi nhanh báo tin đã được phê chuẩn.

Theo thông lệ, dự đoán thì phải đoán cho từng việc một. Thấy Thiệu Vĩ Hoa chủ yếu mỗi quẻ đoán cho một việc nên thông tin rất tập trung, đặc biệt là khi lập quẻ bằng gieo quẻ thì lại càng như thế. Song, sau khi lập được quẻ trong quá trình đoán còn có thể thấy thêm được một số thông tin khác, nên không những thỏa mãn được vấn đề cần hỏi cho người đoán, mà còn có thể dự báo cho họ một vài thông tin khác. Quẻ lập theo thời gian thường thể hiện được thông tin nhiều mặt. Chỉ cần tìm đúng dụng thần là có thể đoán được cho một số việc. Tuy nhiên người đoán phải trên cơ sở tổng kết rất nhiều kinh nghiệm trong thực tiễn thì mới có thể vừa đoán trọng tâm cho một việc, đồng thời kết hợp nói thêm vài việc khác.

2. Khi nào thì chọn dụng thần, hay chọn hào thế ?

Trong dự đoán theo sáu hào, nhiều độc giả viết thư đến hỏi khi nào thì trực tiếp lấy dụng thần trong lục thân, khi nào thì dùng hào thế, hào ứng ?

Thông thường bí quyết chọn như sau : nếu đoán một sự việc cụ thể nào đó thì có thể chọn dụng thần trong lục thân. Ví dụ dự đoán những thông tin có liên quan đến cha mẹ, tài liệu, sách vở, văn thư, thư từ, điện báo, hợp đồng, v.v... thì lấy dụng thần là hào phụ mẫu. Tóm lại là đoán cho việc cụ thể hay người cụ thể thì lấy dụng thần trong lục thân.

Khi đoán những việc có liên quan với mình thì dùng hào thể, hào ứng để đoán. Hào thể là mình, hào ứng là đối phương. Đối phương có thể là người đại diện cho đơn vị hợp tác, cũng có thể là một vụ buôn bán. Tóm lại đối phương có thể là đối tượng chưa biết. Ta có thể thông qua quan hệ sinh khắc chế hóa giữa hào thể và hào ứng để biết đối phương thật hay giả và xu thế phát triển của sự việc.

Có một số độc giả cảm thấy cùng một quẻ nhưng kết quả xem theo cách lấy dụng thần và xem theo cách hào thể, hào ứng lại không giống nhau. Nói chung không thể như thế. Mấu chốt là ở chỗ kỹ thuật chọn dụng thần có chính xác hay không. Dưới đây qua ví dụ (qua tin hiệu từ Ngạc Châu truyền đến) là trường hợp chưa biết nên chọn dụng thần ra sao, nhưng qua phán đoán tổng hợp đối với các hào nên đã tìm ra được dụng thần cần chọn và cuối cùng đã dự đoán chính xác.

Giờ thìn, ngày kỷ sửu, tháng mậu ngọ, tức là 2 giờ trước lệnh tháng 6 ngày 18 tháng 5 âm lịch, thầy Thiệu Vĩ Hoa nghe máy điện thoại tút tút và đoán biết là điện thoại đường dài từ quê gọi đến. Thầy Thiệu e rằng bà mẹ tuổi cao, sợ có việc gì đó, nên bảo tôi gieo quẻ để đoán. Tôi căn cứ theo thời gian lập được quẻ "Phủ" của quẻ "Tụng".

QUẺ CHỦ : TỤNG

Tử tôn tuất thổ -
Thê tài thân kim -
Huynh đệ ngọ hỏa - thể
Huynh đệ ngọ hỏa --
Tử tôn thìn thổ -
Phụ mẫu dẫn mộc -- ứng

QUẺ BIẾN : PHỦ

Tử tôn tuất thổ -
Thê tài thân kim -
Huynh đệ ngọ hỏa -
Phụ mẫu mao mộc --
Huynh đệ tỵ hỏa --
Tử tôn mùi thổ --

Đầu tiên thử lấy hào phụ mẫu làm dụng thần. Phụ mẫu dẫn mộc tuy không có nguyên thần sinh trợ, lại còn ở đất hưu tù hóa thành xỉ hơi, nhưng không có dấu vết gì là bị khắc (thê tài là hào khắc phụ mẫu, đòi hỏi thê tài thân kim phải lâm lệnh tháng 7 tức là lúc kim vượng thì mới có tượng khắc phụ mẫu). Do đó bỏ cách xem theo dụng thần, xem theo cách hào thể, hào ứng : huynh đệ trì thể, tôi đoán là việc cần tiền hay việc tiêu tiền. Hào thể hào ứng tương sinh là tượng khi nào cũng tốt. Thầy Thiệu gọi điện đường dài hỏi ngay quả nhiên là cô em út gọi điện hỏi về tin có nhà tư bản nước ngoài nào đầu tư cho quê hương không. Khi hỏi tin về cha mẹ thì được biết

điều bình thường, riêng bà mẹ áp huyết hơi cao một tý đang uống thuốc. Ngày 7 tháng 7 tháng thân ở quê lại gọi điện nhắn tin đến. Thấy Thiệu gieo quẻ, quả nhiên là có những tin không lợi cho mẹ :

QUÊ CHỦ : TIẾT

Huỳnh đệ tứ thủy -- động
Quan quý tuất thổ --
Phụ mẫu thân kim -- ứng
Quan quý sửu thổ --
Tử tôn mao mộc --
Thê tài ty hỏa -- thế

QUÊ BIẾN : TRUNG PHÙ

Tử tôn mao mộc --
Thê tài ty hỏa --
Quan quý mùi thổ --
Quan quý sửu thổ --
Tử tôn mao mộc --
Thê tài ty hỏa --

Dụng thần là phụ mẫu thân kim mộ ở nhật thìn, quan quý bốn lần xuất hiện, bùa vây phụ mẫu nhiều lớp, đó là tượng bệnh tật nhiều. Quan quý sửu mùi tuất là tam hình đều có. Thổ quý là bệnh ty vị. Khi đoán bệnh, quan quý là bệnh, hiện nay thổ nhiều vùi lấp kim là tượng không có quan quý để sinh phụ mẫu, là tình hình nguy kịch. Nhưng may phụ mẫu thân kim lâm nguyệt kiến, lại có bạch hổ lâm dụng thần nên được giúp đỡ, ngày dần có thể xung động hào phụ mẫu, ngày mùi xung khai hào sửu, tức tam hình mộ kho bị phá, ngày mùi thổ vượng có thể sinh thân là bệnh sẽ tốt dần. Qua điện thoại quả nhiên mẹ thấy Thiệu vì bệnh dạ dày nên đi ỉa chảy hôn mê. Thấy Thiệu yêu cầu cô em lập tức đưa bà mẹ vào bệnh viện cấp cứu, nếu tình hình biến xấu phải gọi điện ngay.

Gần một tuần lễ sau, em trai gọi điện báo : ngày hôm sau đã đưa mẹ vào viện (ngày dần xung động hào phụ mẫu thân kim). Sau đó bà mẹ đã ngừng ỉa chảy và bệnh đỡ dần, hôm nay ra viện. Hôm nay đúng ngày mùi, quẻ Trung phù của quẻ Tiết đã sớm lộ rõ thông tin đó.

3. Cách chọn các hào trong quẻ

Trong dự đoán theo sáu hào có những hào có mối quan hệ tốt hoặc xấu với dụng thần, hào thế, như nguyên thần sinh trợ dụng thần, hào thế; kỵ thần khắc chế dụng thần, hào thế, đối với cừu thần thì phải xem nó động để giúp ích hay có hại cho dụng thần hay hào thế. Những mối quan hệ sinh khắc này ở phần trên đã giới thiệu, nhưng trong thực tế ứng dụng có một số hào dù là hào động nhưng vì nó không có quan hệ lợi ích thiết thân với dụng thần và hào thế, có một số hào động như cừu thần không có nguyên thần hoặc kỵ thần cùng động nên cũng không có tác dụng gì. Đối với dự đoán theo tượng quẻ thì việc chọn tượng loại của vạn vật cũng tương tự như thế, then chốt là phải thành thạo, điều luyện, sau đó mới có thể linh hoạt vận dụng. Dưới đây để cử một số ví dụ để nói rõ : làm thế nào để chọn được dụng thần hoặc tượng loại của quẻ một cách hợp lý để đoán đúng sự việc cần đoán ?

Cuối cùng là cách tổng hợp các thông tin như thế nào để đi đến những kết luận một cách khoa học, đây sức thuyết phục.

Sáng ngày tân mùi, tháng canh thân, dưới tầng một báo tin lên có điện báo. Thấy Thiệu xuống lấy đồng thời báo tôi, gieo quẻ xem việc gì. Tôi theo thời gian lập được quẻ Tụy, sáu hào động.

QUẺ CHỦ : TRẠCH ĐỊA TỤY

Phụ mẫu mùi thổ -- động
Huynh đệ dậu kim -- ứng
Tử tôn hợi thủy -
Thê tài mao mộc - -
Quan quỷ tỵ hỏa -- thê
Phụ mẫu mùi thổ --

QUẺ BIẾN : THIÊN ĐỊA PHỦ

Phụ mẫu tuất thổ -
Huynh đệ thân kim -
Quan quỷ ngọ hỏa -
Thê tài mao mộc - -
Quan quỷ tỵ hỏa - -
Phụ mẫu mùi thổ --

Vì là hồi sự việc, chưa rõ cát hung nên tạm thời chưa nói đến thời gian ứng nghiệm. Đầu tiên chưa xem đến quẻ biến để tránh đoán quẻ bị nhiễu.

Nếu là chưa có tin điện báo đến, từ hào phụ mẫu động cũng có thể thấy rõ là việc văn thư. Từ toàn quẻ mà nói chứng tỏ thông tin của quẻ rất rõ ràng. Ta bắt đầu xem từ tượng quẻ.

1) Qua tượng quẻ thấy rõ : quẻ dụng là đoài, quẻ thể là khôn. Quẻ thể sinh quẻ dụng là chủ về việc hao tổn. Đoài là tranh cãi, Khôn là không có gì. Thể sinh dụng là vì một việc không đâu mà có tranh cãi cho nên là việc hao tổn.

2) Xét theo 6 hào mà nói, hào quan quỷ trì thể tương sinh hào phụ mẫu động tất nhiên là chuyện văn thư của phía đối phương. Phân tích đến đây thì đại thể việc cần hỏi đã rõ ràng.

Ta lại xét đến quẻ biến :

1) Theo tượng quẻ mà xét : quẻ biến vẫn là thổ sinh kim tức có thể dự đoán không có điều gì xấu, yên tâm.

2) Theo sáu hào mà xét : hào phụ mẫu động hóa tiến, vì tượng quẻ của quẻ biến vẫn là sự hao tổn nhưng không có điều gì xấu cho nên sự hóa tiến ở đây không có ý nghĩa gì nhiều trong thực tế, mà thực chất chỉ có ý hóa thành không (ngày tân mùi gặp tuất hợi là không vong).

Nếu xét đến hào từ của Chu dịch thì ta thấy : hào từ của hào thượng quẻ Tụy nói : không gặp tai họa gì.

Thấy Thiệu vừa lên đến nhà tôi lập tức nói : là việc của Bưu điện phải không ? Thấy Thiệu nói : Cô đã đoán như thế nào ? Để đánh giá sự phán đoán của tôi, nên thấy Thiệu vẫn giữ nguyên sắc mặt không biểu lộ ý gì. Cho đến khi tôi thuật lại toàn bộ quá trình, thấy mới nói là tôi đoán đúng. Nguyên

là sự việc như sau : hai hôm trước thầy Thiệu có đánh một bức điện về nhà, không hiểu vì nguyên nhân gì mà Bưu điện không tìm được địa chỉ, nên phía Bưu điện trả lời thầy Thiệu bằng một lá thư : địa chỉ thất lạc không gửi được.

Theo lệ thường mà nói, khi nghe tin có điện báo thì phần nhiều là ở quê có việc. Ở đây hào phụ mẫu trong quẻ lại động, nên rất dễ liên tưởng đến bức điện có liên quan với cha mẹ. Nhưng theo tượng quẻ hào phụ mẫu ở quẻ Đoài động, (đó là dấu hiệu hào phụ mẫu không phải là cha mẹ mà là văn thư). Quẻ Đoài trong tượng loại là tranh cãi, tức là trên thư tín có việc tranh cãi, Như thế tức là căn cứ vào tượng loại của quẻ để bàn đến sự việc chứ không bàn đến con người. Quẻ thể không nên được hiểu theo tượng loại quẻ Khôn là mẹ, mà phải hiểu Khôn là không. Quẻ thể Khôn sinh cho quẻ dụng Đoài tức là thư tín có liên quan đến không có địa chỉ. Thể sinh dụng tức là có hao tổn. Hào thể ở trong sáu hào là dụng thần của sự việc, quan quý là phía Bưu điện, hào phụ mẫu động được hào quan quý sinh cho nên đoán là thư tín của Bưu điện. Hào phụ mẫu động hóa không chứng tỏ đó là thông tin và tượng quẻ đã chỉ ra. Lại theo hào từ chứng tỏ là việc không có hại, tức là phí mất một bức điện đánh đi mà không đạt kết quả gì.

4. Cách chọn hào từ

Nói đến hào từ, trong Chu dịch có 64 quẻ, gồm 386 hào. Mỗi hào đều có hào từ nói rõ cát hung. Thông thường cách chọn hào từ là : khi đã có tên quẻ thì ý nghĩa sự việc cát hung cơ bản đã được xác định. Đối với người mới học mà nói thường rất khó xác định cách chọn hào từ thích hợp, đặc biệt là khi kết quả dự đoán theo tượng quẻ và theo sáu hào mâu thuẫn nhau thì càng khó định đoạt. Cho nên đối với những người chưa thành thạo không nên dùng hào từ để đoán.

Xem tiếp Phần 3